

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/DS-PT  
Ngày: 29- 3- 2021  
V/v tranh chấp đòi tài sản là  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Sang

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;  
Ông Phạm Văn Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:** Bà Đặng Thị Châu-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về: “*Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T1, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: **332/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2020** giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Anh Kiều Quyết T, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Khu phố 2, Phường 1, thành phố T2, tỉnh Tây Ninh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 5 năm 2020); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh N, sinh năm 1956 (chết ngày 01-10-2020).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Chị Trần Ánh T3, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp V, xã A, huyện B1, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Anh Trần Minh T4, sinh năm 1979; có mặt.

4. Chị Trần Ngọc N1, sinh năm 1983; có mặt.

5. Anh Trần Minh T5, sinh năm 1986; có mặt.

6. Anh Trần Thanh T6, sinh năm 1988; có mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh.

*Đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:* Anh Trần Minh T4, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 23-3-2021); có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1953; có mặt.

2. Chị Trần Ngọc N1, sinh năm 1983; có mặt.

3. Anh Trần Thanh T6, sinh năm 1988; có mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh.

4. Anh Lâm Hoài T8, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp P1, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn: Bà Trần Thị H, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6, chị Trần Ánh T3.

*Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Nguyên đơn bà Trần Thị Đ và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - anh Kiều Quyết T trình bày:*

Bà Đ là chị ruột của ông N. Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 469,7 m<sup>2</sup> thửa 586, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại Ấp B, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc cụ Trần Văn Đ1 (chết năm 1996, cụ Đ1 là cha ruột của bà Đ, ông N) cho bà Đ vào năm 1976. Sau khi được cụ Đ1 cho, bà Đ cất nhà ở trên đất đến nay. Thời điểm đó, ông N cũng được cụ Đ1 cho một phần đất ở ấp B1, xã B2, huyện T1, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B1, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh). Đến khi chạy giặc Pol Pot Campuchia thì cụ Đ1 kêu ông N về cất nhà chung vách nhà bà Đ để ở. Đến năm nào bà Đ không nhớ thì ông N di dời nhà qua vị trí hiện giờ ở đến nay. Năm 1993 bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00406/QSĐĐ/I6 diện tích 2.801 m<sup>2</sup> thuộc các thửa 2557, 2558, 2559 tờ bản đồ số 04. **Nay do bà Đ có nhu cầu điều chỉnh giấy đất của mình thì ông N kiện bà nên bà Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu ông N trả lại bà Đ diện tích đất diện tích 469,7 m<sup>2</sup>, trong thửa 586, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại Ấp B, xã P.** Tại phiên tòa, bà Đ yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả lại cho bà Đ phần đất 469,7 m<sup>2</sup>, trong thửa 586, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại Ấp B, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh.

*Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Minh N, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn và tại phiên tòa sơ thẩm người*

*đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ bị đơn ông Phạm Thanh Đ2 trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp do cha ông N và bà Đ là cụ Trần Văn Đ1 cho ông N. Năm 1976 ông N về cất nhà chung vách nhà bà Đ sống. Đến năm 1984, cụ Đ1 cất nhà cho ông N tại vị trí căn nhà hiện tại và ông N cùng vợ con sống trên đất cho đến nay. Năm 1993 ông N có đi đăng ký giấy đất tại Văn phòng Ấp B, sau đó ông N có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong giấy đất lại không có diện tích đất đang tranh chấp. Năm 2005, ông N có đi đăng ký lại giấy đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2019, bà Đ điều chỉnh tăng diện tích luôn phần đất của ông N đang ở nên hai bên xảy ra tranh chấp. Ông N có khởi kiện hành chính yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đ tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nay những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N không đồng ý trả lại quyền sử dụng đất theo yêu cầu của bà Đ.

*Theo lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:* Bà là vợ của ông N. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

*Theo lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Ngọc N1 trình bày:* Chị là con của ông N. Chị được cha mẹ cho xây dựng nhà và hiện đang ở trên phần đất tranh chấp. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

*Theo lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh T6 trình bày:* Anh là con của ông N. Anh hiện đang ở trên phần đất tranh chấp. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

*Theo lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lâm Hoài Thanh trình bày:* Anh là chồng chị N1, vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2018. Căn nhà hiện chị N1 đang ở do bên vợ xây dựng riêng cho chị N1. Anh không có ý kiến cũng như yêu cầu gì trong vụ việc tranh chấp nêu trên.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T1, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự. Điều 203 của Luật đất đai năm 2003. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Đ đối với những người thừa kế quyền nghĩa vụ của bị đơn gồm bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6.

2. Buộc bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 phải có nghĩa vụ giao cho bà Trần Thị Đ số tiền 334.204.000 (ba trăm ba mươi bốn triệu hai trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 được quyền tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 469,7 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 586, tờ bản đồ số 13 (BĐ 2005), loại đất: LUK, tọa lạc tại: Ấp B, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh. Do bà Trần Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00406/QSDD/I6 được Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp ngày 10-11-1993; điều chỉnh tăng diện tích ngày 13/5/2019. Tứ cận: Đông giáp đất ông N dài 24,6 m; Tây giáp đất bà Đ dài 23,3 m; Nam giáp đường nhựa dài 19,8 m; Bắc giáp đất bà Đ dài 19,5 m. (Có sơ đồ kèm theo).

5. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã T1, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh thu hồi điều chỉnh một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00406/QSDD/I6 được Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp ngày 10-11-1993; điều chỉnh tăng diện tích ngày 13/5/2019 để cấp lại cho bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 theo quyết định của Bản án này.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 06-11-2020 những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn: Bà H, chị T3, anh T4, chị N1, anh T5, anh T6 có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, nếu không hủy án đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để công nhận đất tranh chấp là của gia đình các ông, bà.

Ngày 23-11-2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định kháng nghị số 25/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 25/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 23-11-2020.

Trong phần hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có ý kiến:

- Bà Trần Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền- anh Kiều Quyết T trình bày: Trước đây ở cấp sơ thẩm, phía gia đình bị đơn có nhờ người nói với bà Đ là sẽ đưa cho bà Đ 150.000.000 đồng và đề nghị bà Đ rút đơn khởi kiện. Nhưng không trực tiếp gặp bà Đ thương lượng. Vì phần đất tranh chấp này thực tế cụ Đ1

cho bà. Nay ra Tòa phúc thẩm, nếu muốn thương lượng thì đề nghị gia đình bị đơn đưa cho bà 200.000.000 đồng thì bà đồng ý thỏa thuận.

- Anh Trần Minh T4 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông N trình bày: Phần đất này do cụ Đ1 cho ông N; nhưng vì để giữ tình cảm gia tộc nên có hứa nếu thỏa thuận thì sẽ đưa cho bà Đ 150.000.000 đồng, nhưng bà Đ không đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay, nếu bà Đ đồng ý thỏa thuận thì anh T4 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông N đồng ý đưa cho bà Đ 150.000.000 đồng và bà Đ điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp hiện gia đình ông N đang sử dụng.

Sau khi thương lượng, thỏa thuận, các bên đương sự đi đến thống nhất như sau:

- Bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 giao cho bà Trần Thị Đ số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Giao tiền tại phiên tòa phúc thẩm.

- Bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 được quyền tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 469,7 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 586, tờ bản đồ số 13 (BĐ 2005), loại đất: LUK, tọa lạc tại: Ấp B, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh; đất hiện do bà Trần Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00406/QSDD/I6 được Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp ngày 10-11-1993; điều chỉnh tăng diện tích ngày 13/5/2019.

Bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án này.

#### ***Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, do các đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

[1.1] Bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 giao cho bà Trần Thị Đ số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận đã giao tiền xong.

[1.2] Bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 được quyền tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 469,7 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 586, tờ bản đồ số 13 (BD 2005), tọa lạc tại: Ấp B, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh; đất hiện do bà Trần Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00406/QSDD/I6 được Ủy ban nhân dân thị xã T1 cấp ngày 10-11-1993; điều chỉnh tăng diện tích ngày 13-5-2019. Phần đất có tứ cận: Đông giáp đất ông N dài 24,6 m; Tây giáp đất bà Đ dài 23,3 m; Nam giáp đường nhựa dài 19,8 m; Bắc giáp đất bà Đ dài 19,5 m. (Có sơ đồ kèm theo).

[1.3] Do trên diện tích đất tranh chấp 469,7 m<sup>2</sup> có nhà ở của ông Trần Minh N nên khi tách thửa theo thỏa thuận của các đương sự cần phải chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông N phần diện tích 100 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn (ONT) là phù hợp.

[1.4] Bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án này.

[2] Do công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nên không xem xét kháng cáo của đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[3] Về chi phí tố tụng:

[3.1] Ghi nhận bà Trần Thị Đ tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.350.000 đồng (Bà Đ đã nộp và thanh toán xong tại cấp sơ thẩm).

[3.2] Ghi nhận anh Trần Minh T4 tự nguyện chịu chi phí xác minh, thu thập chứng cứ là 2.000.000 đồng (Anh T4 đã nộp và thanh toán xong).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Minh T4, chị Trần Thị Ngọc Nữ, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6, chị Trần Ánh T3 mỗi người phải chịu 1.250.000 đồng.

- Bà Trần Thị H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm, nên anh Trần Minh T4, chị Trần Thị Ngọc Nữ, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6, chị Trần Ánh T3 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Trần Minh T4, chị Trần Thị Ngọc Nữ, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6, chị Trần Ánh T3 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 001482 ngày 06-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T1, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm;

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T1, tỉnh Tây Ninh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 tự nguyện giao cho bà Trần Thị Đ số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận đã giao tiền xong.

- Bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 được quyền tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 469,7 m<sup>2</sup> (100 m<sup>2</sup> đất ONT và 369,7 m<sup>2</sup> đất LUK), thuộc một phần thửa 586, tờ bản đồ số 13 (BĐ 2005), tọa lạc tại: Ấp B, xã P, thị xã T1, tỉnh Tây Ninh; đất hiện do bà Trần Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00406/QSĐĐ/I6 được Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp ngày 10-11-1993; điều chỉnh tăng diện tích ngày 13/5/2019. Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ông N dài 24,6 m;

Hướng Tây giáp đất bà Đ dài 23,3 m;

Hướng Nam giáp đường nhựa dài 19,8 m;

Hướng Bắc giáp đất bà Đ dài 19,5 m.

(Có sơ đồ kèm theo).

- Bà Trần Thị H, chị Trần Ánh T3, anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án này.

3. Về chi phí tố tụng:

- Ghi nhận bà Trần Thị Đ tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.350.000 đồng (Bà Đ đã nộp và thanh toán xong tại cấp sơ thẩm).

- Ghi nhận anh Trần Minh T4 tự nguyện chịu chi phí xác minh, thu thập chứng cứ là 2.000.000 đồng (Anh T4 đã nộp và thanh toán xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6, chị Trần Ánh T3 mỗi người phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bà Trần Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho anh Trần Minh T4, chị Trần Ngọc N1, anh Trần Minh T5, anh Trần Thanh T6, chị Trần Ánh T3 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 001482 ngày 06-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T1, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TX. T1;
- Chi cục THADS TX. T1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Thị Kim Sang**



